

BỘ LAO ĐỘNG -
THƯƠNG BINH VÀ XÃ
HỘI
Số: 12/2001/TT-
BLĐTBXH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Hà Nội, ngày 19 tháng 12 năm 2001

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về tuổi nghỉ hưu của người lao động khai thác than trong hầm lò.

Thi hành Nghị định số 61/2001/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2001 của Chính phủ về việc quy định tuổi nghỉ hưu của người lao động khai thác than trong hầm lò, sau khi trao đổi ý kiến với Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam và một số cơ quan liên quan, Bộ Lao động Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện như sau:

I. Phạm vi, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi áp dụng là các doanh nghiệp khai thác than hầm lò, bao gồm:

Doanh nghiệp nhà nước thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp nhà nước; Doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam;

Doanh nghiệp thuộc đối tượng điều chỉnh của Luật Doanh nghiệp.

2. Đối tượng áp dụng là người lao động thường xuyên làm nghề, công việc khai thác than trong hầm lò, cụ thể như sau: Khai thác than trong hầm lò;

Vận tải than, đất, đá trong hầm lò,

Vận hành máy khoan trong hầm lò;

Nổ mìn trong hầm lò;

Đào hầm lò để khai thác than.

II. ĐIỀU KIỆN VÀ CHẾ ĐỘ HƯỞNG

1. Điều kiện:

Các đối tượng tại Mục I nêu trên nếu có đủ các điều kiện sau đây thì hưởng chế độ hưu trí:

a) Đủ 50 tuổi;

b) Có đủ 20 năm đóng bảo hiểm xã hội trở lên, trong đó có ít nhất 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò và đóng bảo hiểm xã hội theo mức lương tương ứng với công việc đó (nếu đóng không liên tục thì được cộng dồn).

2. Chế độ hưởng:

a) Mức lương hưu:

Điều 2 Nghị định số 61/2001/NĐ-CP quy định: Mức lương hưu hàng tháng của người lao động làm công việc khai thác than trong hầm lò được tính theo quy định chung tại Nghị định số 12/CP ngày 26/1/1995 và Nghị định số 93/1998/NĐ-CP ngày 12/11/1998 của Chính phủ, cụ thể như sau: Đóng bảo hiểm xã hội đủ 15 năm tính bằng 45% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liền kề có mức lương cao nhất, sau đó cứ tính thêm mỗi năm đóng bảo hiểm xã hội tính thêm 2%, tối đa bằng 75% mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liền kề có mức lương cao nhất:

a1) Cách tính lương hưu được thực hiện như sau:

Người có đủ 15 năm đóng bảo hiểm xã hội thì được tính bằng 45% mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, sau đó cứ thêm mỗi năm (12 tháng) đóng bảo hiểm xã hội được tính thêm 2%, tối đa bằng 75% mức bình quân tiền lương hàng tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội. Ngoài lương hưu hàng tháng, người lao động có thời gian đóng bảo hiểm xã hội trên 30 năm còn được trợ cấp 1 lần, tính như sau: Từ năm thứ 31 trở đi, mỗi năm (12 tháng) đóng bảo hiểm xã hội được nhận nửa tháng mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội, nhưng tối đa không quá 5 tháng.

Ví dụ 1: Ông Hoàng Đình Q, tính đến tháng 1 năm 2001 đủ 50 tuổi có 28 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò. Lương hưu của ông Q được tính như sau:

15 năm đầu tính bằng 45%

Từ năm thứ 16 đến năm thứ 28: $13 \text{ năm} \times 2\%/\text{năm} = 26\%$

Tổng cộng: $45\% + 26\% = 71\%$.

Như vậy, lương hưu của ông Q được tính bằng 71% mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Ví dụ 2: Ông Lê Hữu X, tính đến tháng 1 năm 2001 đủ 50 tuổi có 32 năm đóng bảo hiểm xã hội, trong đó có 15 năm làm công việc khai thác than hầm lò. Lương hưu của ông X được tính như sau:

15 năm đầu tính bằng 45%

Từ năm thứ 16 đến năm thứ 30:

$15 \text{ năm} \times 2\%/\text{năm} = 30\%$

Tổng cộng: $45\% + 30\% = 75\%$.

Từ năm thứ 31 đến năm thứ 32 là 2 năm, ông X được nhận trợ cấp 1 lần bằng 1 tháng tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

Trường hợp này, lương hưu tháng của ông X được tính bằng 75% mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.

a2) Mức bình quân của tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 5 năm liền lẻ có mức lương cao nhất được tính theo công thức sau:

Mức bình quân tiền lương tháng làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội	=	Tổng số tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội của 60 tháng liền (5 năm) có mức lương cao nhất.
		60 tháng

Ví dụ 3: Ông Trần Văn Đ, tính đến ngày 01 tháng 1 năm 2001 đủ 50 tuổi có 26 năm 10 tháng đóng bảo hiểm xã hội, tháng đó có 17 năm làm công việc khai thác than hầm lò, quá trình làm việc và đóng bảo hiểm xã hội theo các mức tiền lương sau:

Từ tháng 3 năm 1975 đến tháng 12 năm 1999 liên tục làm công việc khai thác than hầm lò và hưởng các mức lương theo từng giai đoạn:

Từ tháng 3 năm 1975 đến hết tháng 6 năm 1979 hưởng lương bậc 1 là 50 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT ngày 18/9/1985 là 352 đồng; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP ngày 28/5/1993 có hệ số là 1,62 (bậc 1 mới);

Từ tháng 7 năm 1979 đến hết tháng 6 năm 1984 hưởng lương bậc 2 là 59,6 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT là 375 đồng; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 1,92 (bậc 2 mới);

Từ tháng 7 năm 1984 hưởng lương bậc 3 là 70,9 đồng, đến tháng 9 năm 1985 chuyển đổi theo Nghị định số 235/HĐBT là 339 đồng và tiếp tục hưởng đến tháng 6 năm 1988; chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP có hệ số là 2,28 (bậc 3 mới);

Từ tháng 7 năm 1988 đến hết tháng 5 năm 1993 hưởng lương bậc 4 là 432 đồng, chuyển đổi theo Nghị định số 26/CP ngày 23/5/1998 có hệ số là 3,01 (bậc 4 mới);

Từ tháng 6 năm 1993 đến hết tháng 6 năm 1996 hưởng lương bậc 5 có hệ số là 3,58

Từ tháng 7 năm 1996 đến hết tháng 12 năm 1999 hưởng lương bậc 6, hệ số 4,24.

Từ tháng 1 năm 2000 đến hết tháng 12 năm 2001 chuyển sang làm công việc sửa chữa đường mỏ, hưởng lương theo hệ số 3,45 (bậc 7, Nhóm II thang lương A6 xây dựng cơ bản).